

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY VIETRAVEL

- Căn cứ theo quy định của pháp luật về Doanh nghiệp và chứng khoán;
- Căn cứ quá trình triển khai Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel;
- Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết họp Hội đồng quản trị v/v thống nhất các nội dung Điều lệ cần đưa ra sửa đổi tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Để đáp ứng yêu cầu thực tế hoạt động, điều hành và quản trị tại Công ty trong thời gian sắp tới.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel.

(Đính kèm Bảng sửa đổi nội dung chi tiết Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty và Văn bản hướng dẫn tổ chức Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến).

2. Kính trình Đại hội cổ đông thường niên 2021 biểu quyết thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Kính trình!



Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

BẢNG CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ - Sửa lại khái niệm “Người điều hành doanh nghiệp”	Điều 2. Giải thích từ ngữ h) " <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> " là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty”;	Điều 2. Giải thích từ ngữ h) " <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> " là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Tài chính Kế toán , Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty”;	Bổ sung thêm Giám đốc Ban Tài chính Kế toán là Người điều hành doanh nghiệp cho phù hợp với Mô hình quản lý của Công ty
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ Sửa khái niệm Luật Doanh nghiệp	Điều 2. Giải thích từ ngữ b) " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.	Điều 2. Giải thích từ ngữ b) " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.	Thay đổi theo số ban hành của Luật mới
3	Điều 2. Giải thích từ ngữ Bổ sung khái	<i>Không có quy định.</i>	Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>"Người có liên quan"</i> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019.	Thay đổi theo quy định của Luật mới.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	niệm Người có liên quan			
4	Điều 2. Giải thích từ ngữ Sửa khái niệm Luật Doanh nghiệp	Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>f) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</i> ” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.	Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>f) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</i> ” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi theo quy định của Luật mới.
5	Điều 2. Giải thích từ ngữ Sửa khái niệm Luật Doanh nghiệp	Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>i) “Người nội bộ của Công ty” là:</i> a) Thành viên Hội đồng quản trị; b) Thành viên Ban kiểm toán nội bộ; c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty; d) Giám đốc Tài chính , Kế toán trưởng, Giám đốc Ban Tài chính Kế toán; đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.	Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>i) “Người nội bộ của Công ty” là:</i> a) Chủ tịch Hội đồng quản trị , Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật ; b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty; c) Giám đốc Ban tài chính kế toán; Kế toán trưởng; d) Trưởng Ủy Ban Kiểm toán Nội bộ, Thành viên Ủy Ban kiểm toán, Thư ký Công ty; Người Quản trị Công ty ; đ) Người được ủy quyền công bố thông tin.	Điều chỉnh Người Nội bộ của Công ty theo khoản 45 điều 4 Luật Chứng khoán
6	Điều 3: Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty Điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý,	Điều 3. Cơ cấu tổ chức, quản trị của Công ty 1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1.1 Đại hội đồng cổ đông; 1.2. Hội đồng quản trị; 1.3. Tổng Giám đốc.	Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty 1. Cơ cấu tổ chức, quản trị của Công ty bao gồm: 1.1 Đại hội đồng cổ đông; 1.2 Hội đồng quản trị; 1.3 UBKT trực thuộc HĐQT 1.4 Tổng Giám đốc.	Bổ sung Ủy ban Kiểm toán của Công ty vào cơ cấu tổ chức quản trị Công ty.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	quản trị và kiểm soát của Công ty			
7	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông Điều chỉnh quy định về báo cáo tài chính năm được thông qua.	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán . Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Báo cáo tài chính năm trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua phải là báo cáo đã kiểm toán.
8	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: 4.2. [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ]; 4.3. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này ; 4.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: 4.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; 4.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; 4.4 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu họ có lý do chắc chắn rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm	Bãi bỏ quy định HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp: VCSH bị mất 1/2 so với số đầu kỳ, và số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<p>khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>4.5 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu họ có lý do chắc chắn rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>5.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 4.3 Quy chế này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 4.4, khoản 4.5 Điều này;</p> <p>5.3 Trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 Điều này có quyền thay thế</p>	<p>trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p> <p>5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>5.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 4.2 Quy chế này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 4.3, khoản 4.4 Điều này;</p> <p>5.3 Trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị Thành viên độc lập Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>lệ.</p> <p>Điều chỉnh các dẫn chiếu phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		Hội đồng quản trị Thành viên độc lập Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.		
	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thời gian lập DSCĐ dự họp trước ngày gửi thông báo mời họp</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>1.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng và phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Thời gian lập danh sách cổ đông dự họp trước ngày gửi thông báo mời họp tăng từ 5 ngày lên 10 ngày.</p> <p>Bổ sung thời hạn công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p>
	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thời gian gửi thông báo mời họp đến</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong</p>	<p>Thời gian gửi thông báo mời họp đến ngày khai mạc họp tăng từ 10 ngày lên 21 ngày.</p>

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	ngày khai mạc họp	gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
9	Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông Tỷ lệ thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ	Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông 3. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu biểu quyết: 3.5 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông 3. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu biểu quyết: 3.5 Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.2, khoản 3, khoản 4 điều này và khoản 1 điều 17 Điều lệ này; b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất	Sửa đổi tỷ lệ thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ từ 51% xuống còn trên 50%, trừ các nội dung quan trọng về tài chính, tổ chức, sửa đổi điều lệ, bầu thành viên HĐQT, thay đổi quyền các quyền của cổ

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
			<p>65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>c) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông <i>sở hữu trên 50% tổng số</i> phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>d) Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	phiếu ưu đãi.
10	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Lập biên bản họp Đại hội cổ đông</p> <p>4.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có</p>	<p>Điều 5: Trình tự, thủ tục về tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Lập biên bản họp Đại hội cổ đông</p> <p>4.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết</p>	Bổ sung để làm rõ trương hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<p>ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p> <p>4.2 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>4.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>4.6 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>4.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4.4 Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
Điều 8:	Đề	Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và	Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm	Điều chỉnh, ổ

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều chỉnh quy định về thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>Không có quy định</p>	<p>thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>1.4 Số lượng, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 9 người. - Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc 	<p>sung quy định về số lượng, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p>
11	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Các thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau:</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng</p>	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Các thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có quyền đề cử thành viên HĐQT từ 5% lên 10%.</p>

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
12	Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện theo điều 5.3 Quy chế này.</p>	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa lỗi văn bản cũ do không có điều 5.3 trong Quy chế.
	Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>5.2 Thông báo về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị phải thông báo các trường hợp thành viên HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp), 06 tháng (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 151 Luật Doanh nghiệp) kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên HĐQT đó để</p>	<p>Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>5.2 Thông báo về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị phải thông báo các trường hợp thành viên HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ và của pháp luật hiện hành.</p>	Điều chỉnh và bỏ các điều khoản dẫn chiếu không còn hiệu lực.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ tư cách thành viên HĐQT đó.		
13	Điều 9: Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	<p>Điều 9: Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cách thức biểu quyết</p> <p>3.2 Các trường hợp biểu quyết</p> <p>b) Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ người có liên quan nào mà đối với thành viên đó, lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Điều 9: Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cách thức biểu quyết</p> <p>3.2 Các trường hợp biểu quyết</p> <p>b) Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ người có liên quan nào mà đối với thành viên đó, lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	Điều chỉnh tên điều Luật dẫn chiếu theo luật DN 2020.
14	Điều 11: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều	<p>Điều 11: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám</p>	<p>Điều 11: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Tài chính Kế toán, Kế toán</p>	Bổ sung "Giám đốc Ban Tài chính Kế toán" trong

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>hành doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung người được xem là người điều hành doanh nghiệp.</p>	<p>đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng. Phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. - Có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 	<p>Trưởng. Phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. - Có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 	<p>quy định về tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
15	Người phụ trách quản trị Công ty	Không có quy định.	<p>Điều ...: Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị 	Bổ sung quy định về người phụ trách quản trị công ty.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
			<p>phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	
16	Ủy ban kiểm toán	Không có quy định.	<p>Điều ...: Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1.1 Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>1.2 Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</p> <p>2.1 Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2.2 Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công</p>	Bổ sung các quy định liên quan về Ủy ban kiểm toán trong trường hợp Công ty tổ chức mô hình theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp. và cơ cấu thành điều 33 của Điều lệ.

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
			<p>ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>2.3 Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>3.1 Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3.2 Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3.3 Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>3.4 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</p> <p>3.5 Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3.6 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>4.1 Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm</p>	

Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
			<p>toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>4.2 Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do [Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán] quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp [Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán] có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>5. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>5.1 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>5.2 Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị,</p>	



Stt	Nội dung	Quy chế nội bộ hiện tại	Quy chế nội bộ dự kiến sửa đổi	Ghi chú
			<p>Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p>	
17			<p>Bổ sung Văn bản quy định và hướng dẫn Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, đại hội đồng cổ đông bất thường bằng hình thức trực tuyến (đính kèm Quy chế này)</p>	<p>Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua việc cho phép Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, đại hội đồng cổ đông bất thường bằng hình thức trực tuyến nhưng chưa có Văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết. Nay Xin bổ sung.</p>